TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 197/2026/HS-ST
Ngày: 16/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tự

2. Ông Bùi Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 159/2026/TLST-HS ngày 02/3/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2026/QĐXXST-HS ngày 26/3/2026, đối với bị cáo:

Phạm Thị Thùy A; sinh ngày 07 tháng 8 năm 1985; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 243/23/16 H, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 538/107/43 Đ, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không rõ; và bà: Phạm Thị N; chồng: Nguyễn Bình A1 (đã ly hôn); có 02 con (sinh năm 2013, 2016); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Năm 2016, bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù, án treo, về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản", đã chấp hành xong hình phạt; bị áp dụng tạm giữ từ ngày 25/6/2025, đến ngày 04/7/2026 được thay thế áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thùy A:* Ông Hoàng Xuân T, Luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà T, B H, phường T, tỉnh Đồng Nai (cón đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1987; địa chỉ: E Đường số I, Phường D, Quận D, (nay là phường K), Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thùy L:* Ông Hoàng Bá H, Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số B N, phường T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Thùy A và Nguyễn Thị Thùy L là bạn bè, hàng xóm ở gần nhà nhau. Từ đầu năm 2024, do cần tiền để kinh doanh bán trái cây, nên L đã hỏi vay tiền của Thùy A với lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng. Thùy A sử dụng tài khoản số 6668638686888 Ngân hàng TMCP Q (M), chủ tài khoản là Phạm Thị Thùy A để giao dịch chuyển tiền, nhận tiền với số tài khoản 0071005041734 Ngân hàng N2 (V1), chủ tài khoản là Nguyễn Thị Thùy L. L và Thùy A cũng sử dụng tiền mặt để thanh toán tiền vay. Khi vay tiền, L có đề nghị Thùy A không nói cho chồng của L biết.

Đến khoảng đầu năm 2025, do kinh doanh không thuận lợi, L không đủ tiền để trả tiền gốc và tiền lãi cho Thùy A, nên Thùy A liên tục nhắn tin đòi nợ, có lời lẽ đe doạ nói cho chồng của bà L biết. Ngày 21/06/2025, L đến Công an P1, Quận D, nay thuộc phường V, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo hành vi cho vay lãi nặng của Phạm Thị Thùy A.

Kết quả điều tra, xác định:

1/. Trong thời gian từ ngày 24/01/2024 đến ngày 10/01/2025, Thùy A đã cho L vay tổng số tiền 1.900.000.000 đồng với lãi suất từ 104% đến 341%/năm, thu tiền gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi vay là 812.500.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi hợp pháp là 103.617.534 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 708.882.466 đồng, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ 1: Ngày 24/01/2024, Thùy A chuyển khoản cho L vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất là 20.000.000/tháng. Đến ngày 27/02/2024, L đã chuyển khoản trả lại cho Thùy A 220.000.000 đồng, bao gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 104%/năm. Tiền thu lãi từ hoạt động cho vay hợp pháp là 3.835.616 đồng, thu lãi từ cho vay bất hợp pháp là 16.164.384 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 23/02/2024, Thùy A chuyển khoản cho L vay số tiền 50.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất là 5.500.000 đồng/tháng. Đến ngày 23/03/2024, L đã trả cho Thùy A 55.500.000 đồng tiền mặt (50.000.000 đồng tiền gốc và 5.500.000 đồng tiền lãi); tương ứng với lãi suất 134%/năm. Tiền thu lãi từ hoạt động cho vay hợp pháp là 821.918 đồng, thu lãi từ cho vay bất hợp pháp là 4.678.082 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 01/03/2024, Thùy A chuyển khoản cho L vay số tiền 300.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất là 35.000.000/tháng.

+ Ngày 01/04/2024, L đã trả 35.000.000 đồng tiền lãi (đã trừ tiền vay ở lần lãi.

+ Ngày 01/05/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A 35.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 01/06/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A 35.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 01/07/2024, L đưa tiền mặt 35.000.000 đồng cho Thùy A.

+ Ngày 01/08/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A 35.000.000 đồng tiền lãi

Sau đó, L và Thùy A thống nhất gộp khoản vay lần 3 và khoản vay lần 8 thành một khoản vay 500.000.000 đồng, bắt đầu tính lãi kể từ ngày 01/08/2025.

Trong lần vay tiền thứ ba, Thùy A cho vay số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất

133%/năm đến 137%/năm, thu được 175.000.000 đồng tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền 149.027.397 đồng.

Lần thứ 4: Ngày 01/04/2024, L vay Thùy A số tiền 70.000.000 đồng. Thùy A chuyển khoản cho L 35.000.000 đồng (đã trừ 35.000.000 đồng tiền lãi một tháng cho khoản vay lần 3). Đến ngày 20/04/2024, L chuyển trả cho Thùy A số tiền 80.000.000 đồng, gồm 70.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi của 21 ngày; lãi suất 261%/năm, tiền lãi từ vay hợp pháp là 767.123 đồng, tiền lãi từ vay bất hợp pháp là 9.232.877 đồng.

Lần thứ 5: Ngày 21/04/2024, Thùy A chuyển khoản cho L vay số tiền 40.000.000 đồng. Đến ngày 28/04/2024, bà L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 41.500.000 đồng (40.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi); lãi suất 171%/năm, tiền lãi từ vay bất hợp pháp là 1.324.658 đồng.

Lần thứ 6: Ngày 29/04/2024, Thùy A chuyển khoản cho L vay số tiền 40.000.000 đồng. Đến ngày 06/05/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A 41.500.000 đồng (40.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi); lãi suất 171%/năm, tiền lãi từ vay bất hợp pháp là 1.324.658 đồng.

Lần thứ 7: Ngày 02/05/2024, Thùy A chuyển khoản cho L vay số tiền 22.000.000 đồng. Đến ngày 06/05/2024, bà L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 22.000.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi; lãi suất 299%/năm, tiền lãi từ vay bất hợp pháp là 839.726 đồng.

Lần thứ 8: Ngày 09/05/2024, Thùy A chuyển khoản cho bà L vay số tiền 200.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất 25.000.000/tháng.

+ Ngày 10/06/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A 25.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 09/07/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A 25.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 01/08/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A 19.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 01/08/2024.

Sau đó, L và Thùy A thống nhất gộp khoản vay số 3 và khoản vay số 8 thành một khoản vay 500.000.000 đồng, bắt đầu tính lãi kể từ ngày 01/08/2025.

Lần vay thứ 8, Thùy A cho L vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất từ 138% đến 152%, thu được 69.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi từ vay bất hợp pháp là 59.465.753 đồng.

Lần thứ 9: Ngày 22/06/2024, Thùy A chuyển khoản cho L vay số tiền 18.000.000 đồng. Ngày 23/06/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 18.200.000 đồng (18.000.000 đồng tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi), lãi suất 203%/năm, số tiền lãi từ vay bất hợp pháp là 180.204 đồng.

Lần thứ 10: Ngày 20/07/2024, Thùy A chuyển khoản cho bà L vay số tiền 200.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất 25.000.000/tháng.

+ Ngày 20/08/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A 25.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 20/09/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A 25.000.000 đồng tiền lãi,

+ Theo thỏa thuận đến ngày 20/09/2024, L phải trả lại 200.000.000 đồng tiền gốc cho Thùy A. Do chưa có tiền nên đến ngày 21/09/2024, L chuyển khoản cho Thùy A số

tiền 10.800.000 đồng để xin gia hạn khoản vay tới ngày 01/10/2024, trong đó có 8.400.000 đồng là tiền lãi từ ngày 21/09/2024 đến 01/10/2024 và 2.400.000 đồng là tiền L tự nguyện cho Thùy A do L không trả tiền gốc đúng hạn.

+ Ngày 02/10/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A 200.000.000 đồng tiền gốc.

Lần vay thứ 10, Thùy A cho L vay số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất từ 122% đến 319%/năm; tổng số tiền lãi thu được là 252.000.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 218.027.397 đồng.

Lần thứ 11: Ngày 01/08/2024, Thùy A và L thống nhất gộp khoản vay số 3 và số 8 thành một khoản vay 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 60.000.000 đồng/tháng.

+ Ngày 02/10/2024, L trả cho Thùy A số tiền 60.000.000 đồng tiền lãi gồm: Chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng và đưa tiền mặt 30.000.000 đồng.

+ Ngày 01/11/2024, L chuyển khoản cho Thùy A 60.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 01/12/2024, L chuyển khoản cho Thùy A 60.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 03/01/2025, L chuyển khoản cho Thùy A 72.000.000 đồng gồm 60.000.000 đồng tiền lãi và 12.000.000 đồng là tiền bà L bị phạt do đóng tiền lãi vay trễ 02 ngày.

+ Ngày 10/01/2025, Thùy A tính tiền lãi từ ngày 03/01/2025 đến ngày 10/01/2025 là 35.000.000 đồng/07 ngày rồi cộng dồn khoản vay số 11 vào khoản vay số 16.

Trong thời gian từ 01/08/2024 đến ngày 10/01/2025, Thùy A cho L vay số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất từ 122% đến 319%/năm, thu được 347.000.000 đồng tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền 300.972.603 đồng.

Lần thứ 12: Ngày 11/08/2024, Thùy A chuyển khoản cho L vay số tiền 38.000.000 đồng. Đến ngày 15/08/2024, L trả cho Thùy A số tiền 39.000.000 đồng gồm 38.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, lãi suất 192%/năm, thu lợi bất chính số tiền 895.890 đồng.

Lần thứ 13: Ngày 14/08/2024, Thùy A chuyển khoản cho L vay số tiền 22.000.000 đồng. Đến ngày 16/08/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 22.500.000 đồng, lãi suất 277%/năm, thu lợi bất chính số tiền 463.836 đồng.

Lần thứ 14: Vào ngày 19/08/2024, Thùy A chuyển khoản cho L vay số tiền 130.000.000 đồng và thỏa thuận tính lãi vay theo ngày:

+ Ngày 21/08/2024, L trả 9.000.000 đồng tiền lãi gồm 8.000.000 đồng tiền chuyển khoản và 1.000.000 đồng bà L đã trả tiền mặt trước đó.

+ Ngày 27/08/2024, L đã chuyển khoản trả 125.000.000 đồng tiền gốc cho Thùy A, trong nội dung tin nhắn có xác nhận việc L đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc còn lại cho Thùy A.

Lần vay thứ 14, Thùy A cho L vay số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất 281%/năm, thu được 9.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 8.358.904 đồng.

Lần thứ 15: Ngày 10/09/2024, Thùy A chuyển khoản cho L vay số tiền 170.000.000 đồng.

+ Ngày 15/09/2024, L trả cho Thùy A 5.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 16/09/2024, L chuyển khoản trả cho Thùy A 170.000.000 đồng tiền gốc.

Lần vay thứ 15, Thùy A cho L vay tiền với lãi suất 153%/năm, thu lợi bất chính số tiền 4.347.945 đồng.

Lần thứ 16: Vào ngày 14/12/2024, Thùy A cho L vay số tiền 400.000.000 đồng và thỏa thuận đến ngày 28/12/2024 thì L phải trả cho Thùy A số tiền 456.000.000 đồng, gồm 400.000.000 đồng tiền gốc và 56.000.000 đồng tiền lãi. Trong đó, Thùy A chuyển khoản cho L 350.000.000 đồng và trừ đi 50.000.000 đồng mà L vay trước đó.

+ Ngày 28/12/2024, L chuyển khoản cho Thùy A 56.000.000 đồng tiền lãi và chưa trả tiền gốc, xin gia hạn thêm hai tuần, Thùy A đồng ý.

+ Ngày 10/01/2025, Thùy A tính tiền lãi đối với số tiền vay 400.000.000 đồng là 52.000.000 đồng/13 ngày. Sau đó cộng dồn vào khoản vay lần thứ 11.

Tính đến ngày 10/01/2025, Thùy A cho L vay tiền ở lần thứ 16 số tiền 400.000.000 đồng với lãi suất từ 339% đến 341%/năm, thu được 52.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 48.931.507 đồng.

Đến ngày 10/01/2025, Thùy A và L thống nhất với nhau gộp hai khoản vay lần thứ 11 và 16 thành một khoản vay 988.750.000 đồng, cụ thể:

+ 500.000.000 đồng tiền gốc và 35.000.000 đồng tiền lãi ở lần vay thứ 11, +400.000.000 đồng tiền gốc và 52.000.000 đồng tiền lãi ở lần vay thứ 16.

+ L mượn Thẻ CCCD từ ngày 30/12/2024 đến ngày 10/01/2025, Thùy A thu tiền 50.000 đồng/ngày là 11 ngày x 50.000 =550.000 đồng.

+ Tiền mượn sổ hồng từ ngày 06/01/2025 đến ngày 10/01/2025: 4 ngày x 300.000 đồng = 1.200.000 đồng (Trước đó L giao cho Thùy A giữ Thẻ CCCD và sổ hồng để vay tiền của L).

2/. Trong thời gian từ ngày 10/01/2025 đến ngày 09/6/2025, Thùy A cho đã cho L vay nhiều lần, với tổng số tiền 1.125.000.000 đồng. L đã trả tiền gốc cho Thùy A là 485.000.000 đồng và 1.243.576.000 đồng tiền lãi vay; Trong đó tiền thu lợi hợp pháp là 30.302.740 đồng và tiền thu lợi bất chính 1.213.322.576 đồng, cụ thể như sau:

Tính đến ngày 10/01/2025, L còn nợ Thùy A số tiền 988.750.000 đồng (900.000.000 tiền vay gốc, 88.750.000 đồng tiền lãi), từ năm 2024 chuyển qua. L hứa với Thùy A đến ngày 10/01/2025 sẽ trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi, số tiền 988.750.000 đồng nhưng L không có tiền trả cho Thùy A.

Ngày 18/01/2025, Thùy A tính tiền lãi của khoản nợ 988.750.000 đồng từ ngày 10/01/2025 đến ngày 18/01/2025 là 09 ngày x 9.350.000 đồng = 84.150.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi L nợ Thùy A là 1.072.900.000 đồng, Thùy A làm tròn số tiền là 1.073.000.000 đồng và yêu cầu L trả trước số tiền 73.000.000 đồng. Do L không có tiền để trả và cần tiền để đóng hụi, nên Liên tiếp T1 mượn Thùy A số tiền 130.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 8.000.000 đồng/ngày, Thùy A đồng ý. Khi giao tiền Thùy A trừ đi số tiền 81.000.000 đồng gồm 73.000.000 đồng mà L phải trả và thu tiền lãi trước 01 ngày là 8.000.000 đồng của khoản vay 130.000.000 đồng. Thực tế, L nhận được 49.000.000 đồng từ Thùy A.

Tính đến ngày 18/01/2025, L nợ Thùy A số tiền 1.130.000.000 đồng, Thùy A tính lãi 17.350.000 đồng/ngày và yêu cầu L đến ngày 20/01/2025 phải trả toàn bộ số tiền

vay, L đồng ý.

Do L không có tiền trả cho Thùy A như đã thỏa thuận, nên Thùy A nhiều lần nhắn tin đòi nợ, yêu cầu L viết giấy nợ. L nhắn tin cho Thùy A năn nỉ, xin cộng dồn tiền lãi ngày vào tiền gốc, ngày nào có tiền thì L chuyển khoản trả cho Thùy A. Do vậy, số tiền mà L chuyển trả nợ cho Thùy A không cố định số tiền.

+ Ngày 19/01/2025, L chuyển khoản cho Thùy A 6.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 21/01/2025, L chuyển khoản cho Thùy A 9.350.000 đồng tiền lãi. Ngày 22/01/2025, L chuyển khoản cho Thùy A 6.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 27/01/2025, L chuyển khoản cho Thùy A số tiền 9.000.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 28/01/2025, L chuyển khoản cho Thùy A số tiền 21.000.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 28/01/2025, L cần tiền để trả cho bạn hàng, nên hỏi vay của Thùy A số tiền 320.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất là 7.000.000 đồng/ngày. L hẹn với Thùy A đến ngày 16/02/2025 lấy được tiền hụi sẽ trả, Thùy A đồng ý. Do thời gian này là Tết âm lịch nên L không muốn đóng tiền lãi hàng ngày trong dịp đầu năm, không may mắn nên nói Thùy A trừ luôn 10 ngày tiền lãi là 70.000.000 đồng. Số tiền thực tế mà L nhận được là 250.000.000 đồng. Đến nay, số tiền này L chưa trả cho Thùy A. Ngày 07/02/2025, L chuyển khoản cho Thùy A 14.000.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 02/02/2025, L cần tiền để lấy hàng và trả nợ, nên hỏi vay Thùy A số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 15.000.000 đồng/ngày. Đến ngày 03/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 165.000.000 đồng.

+ Ngày 03/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền lần lượt là 100.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay 130.000.000 đồng mà L vay vào ngày 18/01/2025. Thùy A chốt lại số tiền L còn nợ của khoản vay này là 10.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 04/02/2025, L vay Thùy A số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 2.500.000 đồng/ngày để lấy hàng và trả nợ cho người khác. L hẹn với Thùy A đến ngày 16/02/2025. Thùy A chuyển cho L 186.500.000 đồng do đã trừ đi 2.500.000/đồng tiền lãi ngày đầu tiên và 11.000.000 đồng là tiền L trả nợ gốc của số tiền 1.130.000.000 đồng.

+ Trong ngày 04/02/2025, L chuyển cho Thùy A 20.000.000 đồng để trả nợ gốc của số tiền 1.130.000.000 đồng và chốt lại L nợ Thùy A số tiền 1.100.000.000 đồng.

+ Ngày 04/02/2025, Liên tiếp T1 hỏi vay Thùy A số tiền 50.000.000 đồng để nhập hàng trái cây với lãi suất thỏa thuận là 400.000 đồng/ngày và hẹn đến ngày 16/02/2025 trả cho Thùy A. Thùy A chuyển khoản cho L 49.600.000 đồng, do thu trước 01 ngày tiền lãi là 400.000 đồng. Hiện tại số tiền này L chưa trả cho Thùy A.

+ Ngày 05/02/2025, L trả cho Thùy A 2.900.000 đồng tiền lãi gồm 2.500.000 đồng tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng và 400.000 đồng của khoản vay 50.000.000 đồng vào ngày 04/02/2025. L chuyển khoản cho Thùy A số tiền 2.400.000 đồng và khấu trừ tiền Thùy A mua trái cây 500.000 đồng.

+ Ngày 07/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 9.500.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 09/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 7.500.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 10/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 10.000.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 11/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 9.950.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 12/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 15.000.000 đồng và 4.200.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 13/02/2025, Thùy A chuyển khoản cho Liên mượn số tiền 50.000.000 đồng, hẹn tới ngày 14/02/2025 sẽ trả cho Thùy A 55.000.000 đồng.

+ Ngày 14/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 13.000.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 15/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 17.000.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 15/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 57.100.000 đồng gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 7.100.000 đồng là tiền lãi của khoản vay ngày 13/02/2025.

+ Đến ngày 16/02/2025, do L không có tiền để trả đúng hẹn cho Thùy A. Trong thời gian này, Thùy A nhiều lần hối thúc L trả tiền gốc cho Thùy A nhưng L không có tiền để trả, tiếp tục năn nỉ Thùy A cho nợ thêm.

+ Ngày 18/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 10.000.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 20/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 20.000.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 20/02/2025, L trả cho Thùy A 23.000.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 21/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 12.000.000 đồng tiền phạt do đóng tiền lãi trễ (có tin nhắn xác nhận).

+ Ngày 22/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 9.900.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 24/02/2025, L mượn Thùy A số tiền 70.000.000 đồng, hẹn 03 ngày trả, Thùy A tính lãi 30.000.000 đồng trong 03 ngày, L đồng ý. Sau đó, Thùy A trừ 5.000.000 đồng tiền phí vay tiền, nên thực tế Thùy A chỉ chuyển khoản cho L số tiền 65.000.000 đồng. Đến ngày 26/02/2025, bà L đã chuyển khoản trả cho Thùy A 100.000.000 đồng gồm 70.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 26/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 50.000.000 đồng tiền lãi tháng, 60.000.000 đồng tiền lãi tháng và 1.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 27/02/2025, bà L chuyển khoản trả cho Thùy A 5.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 28/02/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 14.900.000 đồng tiền lãi vay.

+ Ngày 01/03/2025, Thùy A chuyển khoản cho L vay 20.000.000 đồng. Đến ngày 03/03/2025, L đã chuyển khoản trả lại Thùy A 20.000.000 đồng.

+ Ngày 03/03/2025, Liên tiếp tục chuyển khoản trả cho Thùy A 40.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 04/03/2025, L chuyển khoản cho Thùy A 2.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 05/03/2025, L chuyển khoản cho Thùy A 1.600.000 đồng tiền lãi. Ngày 07/03/2025, L chuyển khoản cho Thùy A 30.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 08/03/2025, L chuyển khoản cho Thùy A số tiền 45.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 10/03/2025, L chuyển khoản cho Thùy A số tiền 41.090.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 12/03/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A 03 lần với số tiền lần lượt là 2.000.000 đồng, 20.000.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 14/03/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 30.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 16/03/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 17/03/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 18/03/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 1.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 23/03/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 30.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 26/03/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 27/03/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 31/03/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 7.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 01/04/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 1.900.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 10/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 2.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 12/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 6.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 14/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 4.500.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 15/05/2025, L chuyển khoản cho Thùy A số tiền lần lượt là 12.000.000 đồng tiền lãi; 2.500.000 đồng tiền lãi và 10.000.000 đồng. Ngoài ra, L còn trả cho Thùy A thêm 8.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 18/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 9.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 19/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 9.676.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 19/05/2025, L hỏi vay Thùy A 20.000.000 đồng và tự đưa ra mức lãi suất sẽ trả cho Thùy A 4.000.000 đồng/ngày. Thùy A trừ đi tiền lãi là 8.380.000 đồng mà L chưa đóng lãi ngày của các khoản nợ trước đó, còn lại 11.620.000 đồng. Tuy nhiên, Thùy A chuyển khoản nhầm cho L số tiền 11.260.000 đồng. Đến ngày 21/05/2025, L đã chuyển khoản trả lại cho Thùy A số tiền 24.000.000 đồng gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 20/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 10.000.000 đồng tiền

lãi.

+ Ngày 21/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 2.380.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 22/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền lần lượt là 10.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi.

+ Trong ngày 22/05/2025, L vay lại Thùy A 20.000.000 đồng với lãi suất 4.000.000 đồng/ngày. Đến ngày 24/05/2025, bà L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 28.000.000 đồng gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 23/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền số tiền lần lượt là 4.500.000 đồng và 6.380.000 đồng.

+ Ngày 24/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền lần lượt là 2.000.000 đồng và 1.000.000 đồng và 17.000.000 đồng.

+ Vào khoảng 19 giờ ngày 25/05/2025, Thùy A có chuyển khoản cho L vay số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất 5.000.000 đồng/ngày. Đến ngày 26/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền lần lượt là 18.000.000 đồng và 12.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng gồm 25.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 25/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền số tiền lần lượt là 20.000.000 đồng, 2.000.000 đồng và 2.000.000 đồng.

+ Ngày 26/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 7.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 27/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 1.380.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 29/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 8.000.000 đồng và 380.000 đồng tiền lãi. Trong ngày 29/05/2025, Liên tiếp tục chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 4.000.000 đồng và 36.000.000 đồng.

+ Ngày 30/05/2025, Thùy A tính tiền lãi của những ngày L chưa đóng là 69.170.000 đồng, sau đó chuyển khoản cho L vay số tiền 20.830.000 đồng và thống nhất L vay Thùy Anh 90.000.000 đồng. Đến nay, L chưa trả số tiền này cho Thùy A.

+ Ngày 30/05/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 8.380.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 01/06/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 35.000.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 03/06/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền lần lượt là 3.500.000 đồng; 22.000.000 đồng; 9.000.000 đồng và 4.380.000 đồng.

+ Ngày 05/06/2025, L chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền số tiền lần lượt là 10.000.000 đồng; 1.000.000 đồng và 10.000.000 đồng.

+ Ngày 09/06/2025, Nguyễn Xuân P, là chồng của L, chuyển khoản trả cho Thùy A số tiền 8.100.000 đồng, L đưa tiền mặt cho Thùy A là 16.900.000 đồng tiền lãi. Đến nay, L còn nợ Thùy A số tiền khoảng 1.100.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Phạm Thị Thùy A khai nhận toàn bộ hành vi phạm

tội cho vay lãi nặng: từ ngày 24/01/2024 đến ngày 10/01/2025, Thùy A đã cho Thùy L vay tổng số tiền 1.900.000.000 đồng với lãi suất từ 104% đến 341%/năm, đã thu tiền gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi vay là 812.500.000 đồng, trong đó số tiền thu từ vay hợp pháp là 103.617.534 đồng, số tiền thu từ vay bất hợp pháp là 708.882.466 đồng. Từ ngày 10/01/2025 đến ngày 09/6/2025, Thùy A cho đã cho L tổng số tiền 1.125.000.000 đồng, đã thu tiền gốc 485.000.000 đồng, tiền lãi vay 1.243.576.000 đồng, trong đó tiền thu từ vay hợp pháp là 30.302.740 đồng và tiền thu từ vay bất hợp pháp là 1.213.322.576 đồng. Lời khai của Phạm Thị Thùy A phù hợp với lời khai của đương sự Nguyễn Thị Thùy L phù hợp với Biên bản nhận dạng, Biên bản đối chất, Biên bản kiểm tra điện thoại, Sao kê ngân hàng tài khoản của Thùy A, Thùy L và các tài liệu, chứng khác (Bút lục 84-147, 148- 169, 370-420, 687-791, 793-876, 801-908).

Đối với hành vi Phạm Thị Thùy A nhắn tin đe dọa và yêu cầu Thủy L1 chuyển số tiền 10.000.000 đồng và hành vi "Đánh bạc" (hình thức ghi đề) của Thùy A và đối tượng chưa rõ lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định tách hành vi, tài liệu liên quan trong vụ án án hình sự số C2478/QĐ-CSHS ngày 01/02/2026 để tiếp tục điều tra, xác minh, khi làm rõ sẽ tiếp tục xử lý sau.

Vật chứng vụ án và đồ vật thu giữ:

+ 01 thẻ CCCD số 044187006508;

+ 01 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số AE682429;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41D8011653 ghi tên Nguyễn Thị Thùy L;

+ 01 hợp đồng mua bán số: 0021/2014/HĐ-TTDS, lập ngày 28/06/2014 ghi tên bên mua Nguyễn Thị Thùy L;

+ 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ghi tên ông Nguyễn N1 và bà Đoàn Thị V, hồ sơ gốc số: 2206/2001, ngày 19/02/2001.

+ 05 tờ giấy có chữ ký và chữ viết ghi tên Nguyễn Thị Thùy L có nội dung liên quan đến việc Nguyễn Thị Thùy L vay tiền của Phạm Thị Thùy A vào các ngày 05/06/2025, 21/05/2025, 07/05/2025, 20/07/2024;

+ 01 Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 Pro Max màu trắng, dung lượng 512GB; Số I: 355706420104039.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thị Thùy L tự nguyện vay tiền của Thùy A, đề nghị không trả lại số tiền còn nợ, không yêu cầu bồi thường dân sự, không khiếu nại, thắc mắc gì khác.

Bản Cáo trạng số 278/CT-VKSKV1 ngày 25/2/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Thị Thùy A về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Phạm Thị Thùy A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy L xác nhận chị có

vay của bị cáo nhiều lần, lúc đầu với lãi suất 10%/năm, nhưng sau đó không trả được nên bị cáo tính theo lãi ngày. Số tiền gốc bà L nợ chưa trả là 1.125.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phạm Thị Thùy A phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, tình tiết tăng nặng phạm tội từ hai lần trở lên tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Anh từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng.

Về phần dân sự: Buộc bị cáo nộp lại số tiền cho vay, để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước, do bà Nguyễn Thị Thùy L còn chưa trả số tiền vay gốc 1.125.000.000 đồng, nên cần buộc bà L nộp lại 1.125.000.000 và bị cáo tiếp tục nộp 2.145.000.000 đồng; buộc bị cáo nộp số tiền 217.677.808 đồng tiền thu lợi từ giao dịch trái pháp luật; buộc bị cáo trả lại số tiền đã thu lợi bất chính 1.957.798.192 đồng cho bà Nguyễn Thị Thùy L.

Vật chứng: 01 thẻ CCCD số 044187006508, 01 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số AE682429; 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41D8011653 ghi tên Nguyễn Thị Thùy L; 01 hợp đồng mua bán số: 0021/2014/HĐ-TTDS, lập ngày 28/06/2014 ghi tên bên mua Nguyễn Thị Thùy L; 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ghi tên ông Nguyễn N1 và bà Đoàn Thị V, hồ sơ gốc số: 2206/2001, ngày 19/02/2001 là giấy tờ, tài sản của bà L, cần giao trả lại cho bà L; 05 tờ giấy có chữ ký và chữ viết ghi tên Nguyễn Thị Thùy L có nội dung liên quan đến việc Nguyễn Thị Thùy L vay tiền của Phạm Thị Thùy A vào các ngày 05/06/2025, 21/05/2025, 07/05/2025, 20/07/2024 là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 Pro Max màu trắng, dung lượng 512GB; Số Imei: 355706420104039 của bị cáo A, đã được tách ra để xử lý trong vụ án khác nên không xét.

Bị cáo Phạm Thị Thùy A không tranh luận, bào chữa.

Luật sư ông Hoàng Bá H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thùy L trình bày số tiền gốc cho vay theo Cáo trạng chưa chính xác do số tiền bị cáo cho vay được bà L trả lại được bị cáo lấy cho vay tiếp; tổng số tiền bà L đã trả, trong đó có số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 1.957.789.192 đồng so với số tiền bà L chưa trả cho bị cáo 1.125.000.000 đồng, nên đề nghị đối trừ và buộc bị cáo trả cho bà L hơn 800.000.000 đồng, nhằm giảm gánh nặng cho bà L.

Bà Nguyễn Thị Thùy L thống nhất với ý kiến của Luật sư.

Bị cáo Phạm Thị Thùy A nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị Thùy A phù hợp với biên bản ghi nhận sự việc, phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định từ ngày 24/01/2024 đến ngày 09/6/2025 bị cáo Phạm Thị Thùy A đã có nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Thùy L vay thông qua giao dịch dân sự với mức lãi suất cao hơn 5 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự với tổng số tiền cho vay 3.270.000.000 đồng, để thu lợi bất chính, với số tiền thu lợi là bất chính là 1.957.789.192 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Phạm Thị Thùy A phạm "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị Thùy A là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý nhà nước về tín dụng, xâm phạm tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự kinh tế, xã hội. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã có hành vi cho vay lãi nặng với tổng số tiền thu lợi bất chính 1.957.789.192 đồng, là tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội với số tiền thu lợi bất chính nhiều lần trên 30.000.000 đồng, thuộc trường hợp phạm tội từ hai lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần áp dụng, xử lý bị cáo bằng hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và nêu gương phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Thị Thùy A tổng cộng là 1.957.789.192 đồng, cần buộc bị cáo A trả lại cho người vay bà Nguyễn Thị Thùy L. Số tiền vay gốc bà L chưa trả 1.125.000.000 đồng, đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, vì vậy, cần buộc bà L nộp lại 1.125.000.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Khấu trừ số tiền bà L phải nộp vào số tiền bị cáo A phải trả cho bà L, buộc bị cáo A trả cho bà L số tiền 832.789.192 đồng và nộp 1.125.000.000 đồng, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền cho vay 2.145.000.000 đồng là tiền bị cáo A sử dụng vào việc phạm tội, vì vậy, bị cáo A nộp lại, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự, là tiền thu lợi phát sinh từ hành vi phạm tội, cần buộc bị cáo nộp lại là 217.677.808 đồng, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tổng cộng, bị cáo A phải nộp lại 1.125.000.000 đồng + 2.145.000.000 đồng + 217.677.808 đồng = 3.487.677.808 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 CCCD số 044187006508; 01 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số AE682429; 01 hợp đồng mua bán số 0021/2014/HĐ-TTOS, lập ngày 28/06/2014 ghi tên bên mua Nguyễn Thị Thùy L; 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41D8011653 ghi

tên Nguyễn Thị Thùy L; 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ghi tên ông Nguyễn N1 và bà Đoàn Thị V, hồ sơ gốc số: 2206/2001, ngày 19/02/2001 là giấy tờ, tài sản của bà L, cần giao trả lại cho bà L;

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 Pro Max màu trắng, dung lượng 512GB; Số Imei: 355706420104039 của bị cáo A, đã được tách ra để xử lý trong vụ án khác.

- 05 tờ giấy có chữ ký và chữ viết ghi tên Nguyễn Thị Thùy L có nội dung liên quan đến việc Nguyễn Thị Thùy L vay tiền của Phạm Thị Thùy A vào các ngày 05/06/2025, 21/05/2025, 07/05/2025, 20/07/2024 là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án;

[7] Về án phí: bị cáo Anh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Thị Thùy A 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước về "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ Buộc bị cáo Phạm Thị Thùy A nộp lại 3.487.677.808 (Ba tỷ, bốn trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm lẻ tám) đồng, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo Phạm Thị Thùy A phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy L 832.789.192 (T2 trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, một trăm chín mươi hai) đồng.

+ Trả cho bà Nguyễn Thị Thùy L: 01 CCCD số 044187006508; 01 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số AE682429; 01 hợp đồng mua bán số 0021/2014/HĐ-TTOS, lập ngày 28/06/2014 ghi tên bên mua Nguyễn Thị Thùy L; 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41D8011653 ghi tên Nguyễn Thị Thùy L; 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ghi tên ông Nguyễn N1 và bà Đoàn Thị V, hồ sơ gốc số: 2206/2001, ngày 19/02/2001, được niêm phong có chữ ký của ĐTV Bùi Anh T3 và hình dấu Cơ quan CSĐT CA.TP H.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 216/2026 ngày 03/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, bị cáo chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 36.983.676 (Ba mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP.HCM;
(1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND khu vực 1 - TP.HCM; (3)
- TAND TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP.HCM; (2)
- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (3)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Phòng THADS khu vực 1 - TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Sở tư pháp; (1)
- Đương sự; (3)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/25) (5)

Tôn Trung Tuấn